

Bản án số: 114/2024/HC-PT

Ngày 28 - 02 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về
cưỡng chế khắc phục hậu quả và bồi
thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;
Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 661/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về cưỡng chế khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 402/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Q. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng N – Chức vụ: Chủ tịch. (*Vắng mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài H - Chức vụ: Phó chủ tịch. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số I, đường C T, xã Đ, thành phố N, tỉnh Giang. Hậu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Thanh T, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N;
(*Có mặt*)

- Ông Hồ Văn K, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố N; (*Có mặt*)

- Ông Nguyễn Thanh P, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố N; (*Có mặt*)

- Ông Bạch Nhật T1, Chủ tịch UBND phường N, thành phố N; (*Có mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N1. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Số F, Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Trần Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022, Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022 và Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N1; Không tiếp tục thi hành Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022, Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022 và Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ khởi kiện: Ngày 31/5/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 946/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, có nội dung buộc ông Nguyễn Văn N1 tháo dỡ công trình xây dựng có diện tích 233,56m² tại đường I, khu vực V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06/9/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 từ “Gửi cho Chủ tịch UBND phường N để tổ chức thực hiện” thành “Gửi cho Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố N để tổ chức thực hiện”.

Ngày 14/9/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP, về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 từ “Số CMND 363988475” thành “Số CMND 363786875”.

Tuy nhiên, quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 38, tại đường I, khu vực V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang

(đối tượng bị buộc tháo dỡ theo Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021) là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Q. Căn nhà này được ông Q đầu tư, xây dựng hoàn thành vào năm 2019, thửa đất này Ủy ban nhân dân thị xã N (nay là thành phố N), tỉnh Hậu Giang cũng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Q.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 ông Q không hay biết, chỉ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022 và Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022 thì ông Q mới biết có Quyết định này.

Ngày 02/11/2022, ông Q có gửi Đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N để khiếu nại đối với 03 Quyết định nêu trên. Tuy nhiên, ngày 16/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ra Thông báo không thụ lý Đơn khiếu nại của ông Q với lý do “Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022, Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022 và Quyết định số 946/QĐ-SĐCCXP ngày 31/5/2021, chỉ áp dụng đối với ông Nguyễn Văn N1”. Lý do không thụ lý đơn khiếu nại mà Ủy ban nhân dân thành phố N đưa ra là không hợp lý và đang né tránh việc giải quyết khiếu nại của ông Q. Bởi vì các Quyết định nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tài sản của ông Q, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q. Do đó, việc ông Q khiếu nại 03 Quyết định này là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Khiếu nại và không rơi vào các trường hợp khiếu nại không được thụ lý, giải quyết được quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại.

Ngày 02/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố N ra thông báo sẽ tiến hành cưỡng chế phá dỡ công trình trên thửa đất số 106, tờ bản đồ số 38, tại đường I, khu vực V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang vào ngày 09/12/2022. Không đồng ý nên ông Q khởi kiện. Ông Q cam đoan không đồng thời khiếu nại các Quyết định hành chính này đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Đối với yêu cầu độc lập của ông N1 thì người khởi kiện có ý kiến: Lần vận động cuối cùng ngày 24/11/2021 thì biên bản ông N1 có trình bày nhà, công trình là của ba vợ là ông Q, nhưng bên người bị kiện không xác minh, không mời ông Q lên làm việc mà vẫn cưỡng chế ông N1 là không đúng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Từ khi phát hiện công trình vi phạm tại đường tỉnh 927C, khu vực V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang do ông Nguyễn Văn N1 làm chủ đầu tư công trình vi phạm. UBND phường N phối hợp cùng với các cơ quan có liên quan, căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020; Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; các tài

liệu chứng minh như trên cho thấy các Quyết định hành chính số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021, Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022, Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố N áp dụng đối với ông Nguyễn Văn N1 là đúng đối tượng vi phạm nên không thuộc trường hợp thu hồi, hủy quyết định do sai đối tượng theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Qua đó, việc ông Trần Q yêu cầu hủy các Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021, Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022; Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang và không tiếp tục thi hành Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022; Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022 và Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/05/2021 của Chủ tịch UBND thành phố N trong quá trình giải quyết vụ án là không có cơ sở. Qua nhiều lần vận động ông N1 đều thừa nhận và trình bày xin được tự tháo dỡ nhưng không thực hiện. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Người bị kiện đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, cưỡng chế đúng nên không đồng ý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N1. Khoản tiền 115.000.000 đồng thực hiện theo Nghị định 166 của Chính phủ về chi phí cưỡng chế, Các chi phí gồm huy động người, thuê phương tiện, thuê kho giữ tài sản và bảo quản, có phụ lục kèm theo như chi phí hoạt động của đoàn cưỡng chế, bản tên thành viên, thay ổ khóa, cao su che tài sản, biển cấm, nhân công tháo dỡ, di dời, lực lượng y tế... phê duyệt kèm theo Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố N. Ông N1 có đến xin nhận lại tài sản nên theo quy định là phải chi trả chi phí cưỡng chế mới nhận lại được tài sản, ông N1 có ký tên và nộp tiền vào tài khoản chi trả theo quy định, tài sản ông N1 đã nhận lại hết.

Người bị kiện đã tạo điều kiện cho ông N1 di dời tài sản rất nhiều lần, đã cho qua hai cái tết nhưng ông N1 vẫn không chịu di dời nên mới buộc phải cưỡng chế, thông báo cưỡng chế ông N1 cũng có nhận, có biết. Trong quá trình di dời tài sản ra sân có vận động ông N1 lại nhận nhưng vẫn không được nên mới phát sinh các chi phí trên, đã vận động rất nhiều lần (12 lần) nhưng ông N1 không thực hiện. Trong các biên bản vận động ông N1 chỉ xin gia hạn không đề cập gì về hợp đồng thuê nhà với ông Q.

Đối với biên bản ngày 24/11/2021 (Buổi làm việc, trao đổi riêng giữa Chủ tịch phường với ông N1) thì ông N1 xin gia hạn qua tết tháng 01/2022 nhưng ủy ban phường đồng ý hay không thì không biết nhưng địa phương không tổ chức cưỡng chế mà cho bán qua tết năm 2022. Do ông N1 không tiến hành thực hiện tự tháo dỡ, di dời kho bia, đến giữa năm 2022 có ý kiến chỉ đạo kiên quyết cưỡng chế nên người bị kiện mới tiến hành cưỡng chế cuối năm 2022. Hợp đồng nhà ký ngày 01/01/2020 không có chứng thực của cấp có thẩm quyền, căn nhà xây dựng cũng chưa xong, đã có biên bản tạm dừng thi công, công trình chưa thi công thì làm sao có nhà để làm

hợp đồng. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q ngày 18/02/2021. Từ khi lập biên bản gần hai năm bên ông Q, ông N1 không có đơn phản ánh nhà là của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 có đơn yêu cầu độc lập ngày 06/02/2023 trình bày:

Tài sản xây dựng trên đất là của ông Q xây dựng, ông chỉ là người trông coi việc xây dựng, sau khi xây dựng xong thì cho ông thuê, nếu xử phạt thì xử phạt ông Q không phải ông. Do ông Q bị liệt nên mới nhờ ông là con rể trông coi. Theo biên bản ông có trình bày tài sản không phải của ông, ông không có quyền quyết định, ông có nghe đọc lại biên bản và có ký tên. Lý do ông ký tên vi phạm là do cán bộ hỏi ông có giấy phép xây dựng không, không có giấy phép nên ông ký tên. Ông có khiếu nại các quyết định hành chính bị kiện về tài sản trong căn nhà bị xử phạt vi phạm hành chính. Ông có yêu cầu độc lập yêu cầu Buộc Chủ tịch UBND thành phố N trả lại cho ông số tiền 115.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 16/12/2022 đến khi Chủ tịch UBND thành phố N trả xong khoản tiền này. Đây là chi phí cưỡng chế mà ông đã nộp theo yêu cầu của Phòng quản lý đô thị thành phố N. Tổng số tiền tạm tính đến ngày đối thoại 07/02/2023 là 116.654.467 đồng. Lý do yêu cầu: tài sản trong nhà là của ông, ông đang thuê nhà, khi nào chủ nhà kêu ông di dời thì ông di dời, bên bị kiện không gặp trực tiếp chủ nhà mà cứ liên hệ ông nên ông không đồng ý chi phí này. Ông không có kiện ông Q về hợp đồng thuê nhà. Nhà hoàn thành xong năm 2019, năm 2020 mới lập biên bản nên đã hết thời hạn xử phạt nên chỉ ra quyết định khắc phục hậu quả.

Tại phiên đối thoại ngày 07/02/2023, Đại diện UBND phường N trình bày ý kiến tham khảo: Khi kiểm tra xây dựng sẽ kiểm có giấy phép xây dựng không, khi tới nơi thường sẽ hỏi ai là chủ đầu tư, ai là người xây dựng vì đây là đối tượng sẽ bị lập biên bản xây dựng trái phép. Khi lập biên bản vi phạm hành chính có cho thời hạn 05 ngày phản ánh, khiếu nại, hết thời hạn này không có phản ánh, kiến nghị gì thì sẽ thực hiện các bước tiếp theo, theo biên bản xác minh thì có mời ông N1 thì ông N1 trình bày đất của ông Q và người xây dựng công trình là ông N1, sau đó ông N1 cũng đều thừa nhận công trình xây dựng của ông N1, các biên bản vận động thì ông N1 đều xin gia hạn thời hạn tháo dỡ công trình, địa phương đều có tạo điều kiện nhưng ông N1 không thực hiện. Không có biên bản dừng thi công nhưng theo quy định thì chỉ cần lập biên bản kiểm trật tự xây dựng nếu có vi phạm thì có thể lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính.

Đại diện Phòng quản lý đô thị thành phố N trình bày ý kiến tham khảo: Khi công trình vi phạm do ông N1 đứng ra thừa nhận là chủ đầu tư xây dựng công trình, đất của ông Q nhưng ông Q chưa được cấp giấy, theo luật quy định thì chỉ xử phạt chủ đầu tư xây dựng công trình, biên bản xử phạt ông N1 ký tên.

Đại diện thanh tra thành phố N trình bày ý kiến tham khảo: Thanh tra nhận đồng thời hai đơn khiếu nại, nên có mời lên làm việc và hướng dẫn làm lại đơn khiếu nại cho đúng mẫu, sau đó tham mưu Ủy ban thành phố thụ lý hay không thụ lý đơn

khiếu nại, do nội dung của ông Q không đủ điều kiện thụ lý nên tham mưu không thụ lý đơn khiếu nại của ông Q. Các biên bản trong hồ sơ xử phạt ông N1 đều đứng ra ký tên là chủ đầu tư. Khi lập biên bản xử phạt có mời chủ đất không thì không thuộc thẩm quyền của Thanh tra. Thời điểm đó chưa xác định được đất của ông Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Căn cứ vào:

Các Điều 7, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Điều 28, Khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 65, Điều 86, Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012;

Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;

Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Q về yêu cầu huỷ các Quyết định:

- Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành Phố N, về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 946 ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố N.

- Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố N.

- Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N1.

2. Bác yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn N1 về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N bồi thường số tiền chi phí cưỡng chế là 115.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 11/7/2023, người khởi kiện ông Trần Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của ông, buộc Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Hậu Giang phải thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022, Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022 và Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 về việc cưỡng chế, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N1.

Cùng ngày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông về việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N bồi thường số tiền chi phí cưỡng chế là 115.000.000 đồng, cộng với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 16/12/2022 đến khi nhận được đủ số tiền bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Trần Q và ông Nguyễn Văn N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: khẳng định quá trình phát hiện và lập biên bản vi phạm đến khi ban hành các quyết định hành chính về hành vi xây dựng công trình vi phạm của ông N1 đã được tiến hành đúng quy định. Án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với ông Trần Q và ông Nguyễn Văn N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa

án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đối với việc vắng mặt của các đương sự là người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ và người kháng cáo cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022, Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP ngày 06/9/2022 và Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N1. Xét, ông Nguyễn Văn N1 bị xác định đã xây dựng công trình không phép tại địa chỉ thửa đất số 106, Tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại đường I, khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang và đã bị UBND phường N lập Biên bản vi phạm vào ngày 22/6/2020. Tại Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính ngày 22/12/2020 và Biên bản vi phạm hành chính số 03 ngày 22/6/2020 đã ghi nhận hiện trạng về công trình xây dựng trên thửa đất nêu trên, đồng thời ông N1 là người ký tên trên Biên bản vi phạm với tư cách là chủ đầu tư.

Quá trình xử lý, UBND thành phố N đã thực hiện vận động nhiều lần đối với ông N1 về việc tự tháo dỡ công trình vi phạm nhưng ông không thực hiện. Do vậy, ngày 22/10/2020, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông N1 lập thủ tục đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng, qua 60 ngày mà không thực hiện sẽ bị cưỡng chế thi hành. Tuy nhiên ông N1 cũng không thực hiện. Đến ngày 31/5/2021, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 946/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tại đơn xin cứu xét ngày 09/6/2021, ông N1 cho rằng đất là của ông Q cho ông mượn để làm địa điểm kinh doanh bia, đồng thời ông Q có đơn khiếu nại cho rằng việc UBND thành phố N ban hành các quyết định hành chính đối với ông N1 là sai đối tượng vì công trình xây dựng là của ông Q. Bản thân ông N1 có yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc cưỡng chế và yêu cầu được nhận lại chi phí cưỡng chế ông đã nộp.

Với diễn biến vụ việc như trên, xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện là đúng quy định tại các Điều 28, 38, 65, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013; Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017; Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính Phủ. Quá trình ban hành các quyết định hành chính bị kiện đã tổng đạt đầy đủ cho ông N1.

Về nội dung các Quyết định hành chính bị kiện đã ban hành là có căn cứ, đúng chủ thể và thực tế thể hiện qua các tình tiết sau:

- Tại các Biên bản vi phạm hành chính đều do ông Nguyễn Văn N1 ký tên với tư cách chủ đầu tư công trình xây dựng. Ông N1 cũng là người thực tế sử dụng công trình xây dựng này vào mục đích kinh doanh bia với bảng hiệu Gia H1 trong thời gian dài; tại Đơn xin cứu xét hoãn việc tháo dỡ công trình xây dựng đến sau Tết Âm lịch 2021, ông N1 cũng nêu rõ lý do về hoạt động lưu kho hàng hóa.

- UBND phường N đã thực hiện đầy đủ thủ tục vận động, thuyết phục ông N1 tự tháo dỡ công trình xây dựng nhưng ông N1 không thực hiện theo nội dung vận động.

- Ông Trần Q có khiếu nại công trình bị xử phạt là công trình được xây dựng trên đất của ông, do ông thực hiện và cung cấp Hợp đồng xây dựng, Hợp đồng thuê mặt bằng của ông Q tuy nhiên nội dung Hợp đồng xây dựng này không được đăng ký với cơ quan quản lý về xây dựng, nội dung thể hiện diện tích, kết cấu công trình không đúng với thực tế của công trình vi phạm bị xử lý và tại thời điểm ông Q cho rằng đã xây dựng công trình vào năm 2019 thì ông Q vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất đang trong tình trạng quy hoạch nên vẫn là công trình xây dựng không phép. Trong khi đó Hợp đồng cho thuê mặt bằng chỉ thể hiện diện tích cho thuê là 20m x 13m, tức là cũng không phù hợp với Hợp đồng xây dựng được xuất trình. Do vậy, các chứng cứ này không có giá trị chứng minh ông Q là chủ đầu tư đối với công trình xây dựng vi phạm. Tại thời điểm phát hiện và lập biên bản vi phạm cho đến khi ban hành các quyết định hành chính và thực hiện cưỡng chế tháo dỡ thì ông Nguyễn Văn N1 đều là người ký biên bản cũng như sử dụng chính thức công trình vi phạm; ông Trần Q có bà H2 đại diện tham dự nhưng bà không có ý kiến. Trong giai đoạn giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm ông Q có khiếu nại là không ủy quyền cho bà H2, không được biết các quyết định hành chính và không được các cơ quan chức năng mời làm việc thì đây không phải là thiếu sót của phía người bị kiện do Quyết định hành chính này điều chỉnh hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, không phải lĩnh vực quản lý đất đai và không xem xét đến người thực tế quản lý, sử dụng đất là ông Q. Như phân tích trên, việc ông Q khiếu nại không được mời làm việc và không được biết đến quá trình xử lý của cơ quan có thẩm quyền là không có căn cứ.

- Đối với ông Nguyễn Văn N1: từ thời điểm bị phát hiện vi phạm và lập biên bản vi phạm đến khi ban hành các quyết định xử lý vi phạm và cưỡng chế thực hiện ông đều nhận được đầy đủ các Quyết định, Thông báo, ngoài ra còn có ý kiến thừa nhận việc xây dựng không phép là sai và xin khắc phục nhưng trong thời gian dài vẫn không thực hiện theo cam kết nên bị cưỡng chế thi hành là đúng. Khi lực lượng cưỡng chế tiến hành tháo dỡ, ông N1 không có mặt, các tài sản của ông đã được lập biên bản ghi nhận và tập kết về địa điểm đã được ấn định trong kế hoạch cưỡng chế nên khiếu nại về việc bị mất mát, hư hỏng tài sản là không có căn cứ để buộc bồi

thường. Đối với chi phí cho việc cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm do ông N1 không tự thực hiện nên phải chịu theo quy định.

Với những phân tích trên, án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Q và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N1 là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của ông Trần Q và Nguyễn Văn N1 được làm trong thời hạn luật định nên là đơn hợp lệ. Tuy nhiên, như phân tích trên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng thủ tục và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không có tài liệu, chứng cứ mới nào so với các chứng cứ được thu thập ở cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: do ông Q là người cao tuổi và có đơn yêu cầu nên được miễn. Riêng ông N1 không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Q và ông Nguyễn Văn N1, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào:

Các Điều 7, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Điều 28, Khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 65, Điều 86, Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012;

Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;

Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Q về yêu cầu huỷ các Quyết định:

- Quyết định số 1789/QĐ-SĐCCXP ngày 14/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành Phố N, về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 946 ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố N.

- Quyết định số 1738/QĐ-SĐCCXP về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố N.

- Quyết định số 946/QĐ-CCXP ngày 31/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N1.

2. Bác yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn N1 về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N bồi thường số tiền chi phí cưỡng chế là 115.000.000 đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Trần Q được miễn án phí phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn N1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000020 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh Hậu Giang (1);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang (1);
- ĐS;
- Lưu VP(3), HS(2).NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ